

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Nguyễn Tín Dân	Chủ tịch	7 tháng 4 năm 2016	
Ông Lê Hồng Thái	Thành viên	7 tháng 4 năm 2016	
Ông Lê Duy Linh	Thành viên	30 tháng 6 năm 2012	
Ông Bùi Văn Cấp	Thành viên	30 tháng 6 năm 2012	7 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Quý Hà	Chủ tịch	16 tháng 4 năm 2015	7 tháng 4 năm 2016
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Nguyễn Kim Toàn	Trưởng ban	30 tháng 6 năm 2012	
Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành viên	30 tháng 6 năm 2012	
Ông Phạm Minh Quốc	Thành viên	30 tháng 6 năm 2012	
<u>Ban điều hành</u>			
Ông Phạm Văn Thành	Giám đốc	28 tháng 5 năm 2012	
Ông Mai Quang Cường	Kế toán trưởng	28 tháng 5 năm 2012	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Phạm Văn Thành, chức danh Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



PHẠM VĂN THÀNH - Giám đốc

Bình Định, ngày 14 tháng 2 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn, được lập ngày 14 tháng 2 năm 2017, từ trang 6 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 2 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VŨ THÈ HOÀNG - Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1

NGUYỄN THỊ THƠM - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.376.384.089	21.392.835.119
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.307.567.930	9.130.344.161
1. Tiền	111		207.567.930	430.344.161
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.100.000.000	8.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.000.000.000	10.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	7.000.000.000	10.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.068.650.463	1.361.990.854
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3.866.681.852	1.081.533.632
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	103.990.000	69.990.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	97.978.611	210.467.222
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		165.696	500.104
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		165.696	500.104
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		163.581.442.520	168.762.866.284
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		162.998.202.341	168.142.552.352
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	162.998.202.341	168.142.552.352
Nguyên giá	222		182.831.544.976	182.831.544.976
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.833.342.635)	(14.688.992.624)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		569.389.847	492.277.391
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	569.389.847	492.277.391
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.850.332	128.036.541
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	13.850.332	128.036.541
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		186.957.826.609	190.155.701.403

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		46.858.366.055	57.256.225.234
I. Nợ ngắn hạn	310		13.367.903.658	12.165.762.837
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	80.257.999	128.067.257
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	-	220.686.728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.006.140.771	826.826.950
4. Phải trả người lao động	314		142.644.213	168.399.777
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	93.600.000	82.800.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	99.116.832	138.131.859
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	11.600.000.000	10.400.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	346.143.843	200.850.266
II. Nợ dài hạn	330		33.490.462.397	45.090.462.397
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	300.000.000	300.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	33.190.462.397	44.790.462.397
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		140.099.460.554	132.899.476.169
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	140.099.460.554	132.899.476.169
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		107.922.750.000	107.922.750.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		107.922.750.000	107.922.750.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.690.853.575	5.379.453.612
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.485.856.979	19.597.272.557
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		-	-
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		22.485.856.979	19.597.272.557
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		186.957.826.609	190.155.701.403

Bình Định, ngày 14 tháng 2 năm 2017



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một phần hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃU B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	36.402.297.880	41.819.842.559
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	7.725.847.089
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		36.402.297.880	34.093.995.470
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	5.879.938.402	5.730.734.643
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.522.359.478	28.363.260.827
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	738.856.368	717.025.931
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	5.198.477.437	6.114.543.594
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.198.477.437</i>	<i>6.114.543.594</i>
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.379.792.641	2.324.229.946
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.682.945.768	20.641.513.218
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.682.945.768	20.641.513.218
15. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.197.088.789	1.044.240.661
16. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.485.856.979	19.597.272.557
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	2.021	1.761
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8b	2.021	1.761



Bình Định, ngày 14 tháng 2 năm 2017

PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.682.945.768	20.641.513.218
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.144.350.011	5.138.880.024
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(725.846.945)	(701.187.554)
- Chi phí lãi vay	06		5.198.477.437	6.114.543.594
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		33.299.926.271	31.193.749.282
- Giảm các khoản phải thu	09	VII	(2.818.813.812)	345.856.531
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	(36.646.026)	52.786.127
- Giảm chi phí trả trước	12		114.186.209	(125.298.024)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.198.477.437)	(6.114.543.594)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.264.580.492)	(1.339.426.089)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(442.624.600)	(552.250.003)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.652.970.113	23.460.874.230
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(77.112.456)	(502.805.573)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.900.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		838.335.556	540.470.693
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.661.223.100	(10.862.334.880)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.400.000.000)	(6.800.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(14.736.969.444)	(16.314.902.452)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.136.969.444)	(23.114.902.452)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.177.223.769	(10.516.363.102)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.130.344.161	19.646.707.263
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		12.307.567.930	9.130.344.161



Bình Định, ngày 14 tháng 2 năm 2017

PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUỐC CƯỜNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B09-DN**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000182 ngày 28 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ hai số 4100694020 vào ngày 04 tháng 7 năm 2012 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 35121000161 ngày 26 tháng 10 năm 2009 về việc đầu tư dự án: Xây dựng công trình cầu cảng Container 30.000DWT – Cảng Quy Nhơn. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi đến lần thứ hai ngày 05 tháng 9 năm 2014 về việc điều chỉnh tiến độ dự án đầu tư.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 26 tháng 3 năm 2012.

- **Vốn điều lệ : 107.922.750.000 VND**

Số cổ phiếu : 10.792.275 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	1.800.000	18.000.000.000	16,68%
2	Cổ đông khác	8.992.275	89.922.750.000	83,32%
	Cộng	10.792.275	107.922.750.000	100,00%

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Điện thoại : (84 – 56) 3 893 239

Fax : (84 – 56) 3 893 888

Mã số thuế : **4 1 0 0 6 9 4 0 2 0**

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: kinh doanh bốc xếp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: mua bán vật tư, thiết bị phục vụ cho cảng);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chi tiết: kinh doanh kho bãi);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (chi tiết: kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường biển);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ đại lý vận tải thủy và bộ, dịch vụ cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chi tiết: dịch vụ lai dắt tàu biển).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 10 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là kỳ kế toán năm thứ 9 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền cho thuê kho bãi, cho thuê cầu cảng.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí tư vấn, chi phí xây dựng, chi phí kiểm toán, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 – 40
Máy móc thiết bị	6

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí tư vấn liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền mua dụng cụ văn phòng và dụng cụ sản xuất.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau: Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính là 2 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ hoặc lợi ích đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả, các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ.

11. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng, khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

12. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước) và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	11.019.091	65.370.732
Tiền gửi ngân hàng	196.548.839	364.973.429
Các khoản tương đương tiền (i)	12.100.000.000	8.700.000.000
Cộng	12.307.567.930	9.130.344.161

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sơn với lãi suất 4,3% và 4,8% 1 năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	7.000.000.000	7.000.000.000	10.900.000.000	10.900.000.000
Cộng	7.000.000.000	7.000.000.000	10.900.000.000	10.900.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sơn với lãi suất 5,3%/năm (năm 2015: 5,4%/năm).

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	2.772.000.000	-
Công ty TNHH SX Dăm gỗ Bình Định	535.713.750	529.208.262
Công ty TNHH Hào Hưng Long An	558.968.102	552.325.370
Cộng	3.866.681.852	1.081.533.632
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	2.772.000.000	-
Cộng	2.772.000.000	-

4. Trả trước cho người bán

Công ty TNHH TVTKXD Huy Hoàng	44.490.000	44.490.000
Viện Cảng - Kỹ thuật hàng hải	25.500.000	25.500.000
Công ty TNHH TVXD 4S	34.000.000	-
Cộng	103.990.000	69.990.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi	97.978.611	-	210.467.222	-
Cộng	97.978.611	-	210.467.222	-

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	182.788.454.067	43.090.909	182.831.544.976
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	182.788.454.067	43.090.909	182.831.544.976
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	14.687.280.793	1.711.831	14.688.992.624
Tăng trong năm	5.137.168.193	7.181.818	5.144.350.011
Khấu hao trong kỳ	5.137.168.193	7.181.818	5.144.350.011
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	19.824.448.986	8.893.649	19.833.342.635

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Cộng
Giá trị còn lại			
01/01/2016	168.101.173.274	41.379.078	168.142.552.352
31/12/2016	162.964.005.081	34.197.260	162.998.202.341

Như trình bày tại Thuyết minh số V.14, Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tương ứng là 162.964.005.081 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 168.101.173.274 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn và dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Nạo vét duy tu khu nước trước bến	58.872.456	-
Dự án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc	32.620.909	14.380.909
Hạng mục công trình san lấp tạo bãi Đợt 2	300.423.755	300.423.755
Hạng mục Đầu tư mua sắm thiết bị cần trục trên bến	177.472.727	177.472.727
Cộng	569.389.847	492.277.391

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí dụng cụ văn phòng	7.933.963	4.798.804
Chi phí dụng cụ sản xuất	3.745.759	7.575.222
Chi phí chờ phân bổ	2.170.610	115.662.515
Cộng	13.850.332	128.036.541

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	47.211.386	47.211.386	-	-
Công ty Cổ phần TV XD CT Hàng Hải	33.046.613	33.046.613	128.067.257	128.067.257
Cộng	80.257.999	80.257.999	128.067.257	128.067.257
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn		47.211.386		-
Cộng		47.211.386		-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (*)	-	220.686.728
Cộng	-	220.686.728

(*) Bên liên quan

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp nội địa	515.775.028	3.589.595.889	3.353.785.486	751.585.431
Thuế thu nhập doanh nghiệp	296.984.965	1.197.088.789	1.264.580.492	229.493.262
Thuế thu nhập cá nhân	14.066.957	621.566.863	610.571.742	25.062.078
Tiền thuê đất		819.353.845	819.353.845	-
Các loại thuế khác	-	11.914.629	11.914.629	-
- Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	-
- Thuế đất phi nông nghiệp	-	8.914.629	8.914.629	-
Cộng	826.826.950	6.239.520.015	6.060.206.194	1.006.140.771

• Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng : Thuế suất hàng bán trong nước là 10%

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số VI.7

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo các qui định hiện hành.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả thù lao HĐQT, BKS	93.600.000	82.800.000
Cộng	93.600.000	82.800.000

13. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác

Cổ tức phải trả cho cổ đông	99.116.832	138.131.859
Cộng	99.116.832	138.131.859

b) Phải trả dài hạn khác

Công ty Cổ phần TMDV Công Thành	300.000.000	300.000.000
Cộng	300.000.000	300.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vay và nợ tài chính

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.600.000.000	11.600.000.000	11.600.000.000	10.400.000.000	10.400.000.000	10.400.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (xem Thuyết minh V.14b (i))	11.600.000.000	11.600.000.000	11.600.000.000	10.400.000.000	10.400.000.000	10.400.000.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	33.190.462.397	33.190.462.397	-	11.600.000.000	44.790.462.397	44.790.462.397
Vay dài hạn ngân hàng (i)	33.190.462.397	33.190.462.397	-	11.600.000.000	44.790.462.397	44.790.462.397
Cộng	44.790.462.397	44.790.462.397	11.600.000.000	22.000.000.000	55.190.462.397	55.190.462.397

(i) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Tây Sơn theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 28 tháng 12 năm 2009, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2012/BSHĐ ngày 22 tháng 11 năm 2012 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2013/BSHĐ ngày 10 tháng 7 năm 2013 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2015/2216452/SĐBS ngày 31 tháng 07 năm 2015. Hạn mức tín dụng là 76.000.000.000 VND, thời hạn vay là 132 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất 10%/năm (năm 2015: 10%/năm). Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và Quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số V.7).

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Tây Sơn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	11.600.000.000	10.400.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	33.190.462.397	44.790.462.397
Sau 5 năm	-	-
	44.790.462.397	55.190.462.397
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(11.600.000.000)	(10.400.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	33.190.462.397	44.790.462.397

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	200.850.266	357.255.205
Tăng do trích lập từ lợi nhuận năm trước	587.918.177	395.845.064
Chi các quỹ trong năm	(442.624.600)	(522.250.003)
Số cuối năm	346.143.843	200.850.266

16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2015	107.922.750.000	2.410.615.635	19.792.253.179	130.125.618.814
Lợi nhuận năm 2015	-	-	19.597.272.557	19.597.272.557
Trích lập các quỹ	-	2.968.837.977	(3.364.683.041)	(395.845.064)
Chia cổ tức	-	-	(16.427.570.138)	(16.427.570.138)
31/12/2015	107.922.750.000	5.379.453.612	19.597.272.557	132.899.476.169
01/01/2016	107.922.750.000	5.379.453.612	19.597.272.557	132.899.476.169
Lợi nhuận năm 2016	-	-	22.485.856.979	22.485.856.979
Trích lập các quỹ	-	4.311.399.963	(4.899.318.140)	(587.918.177)
Chia cổ tức	-	-	(14.697.954.417)	(14.697.954.417)
31/12/2016	107.922.750.000	9.690.853.575	22.485.856.979	140.099.460.554

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100694020 ngày 04 tháng 07 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp thay đổi lần thứ 2, vốn điều lệ của Công ty là 107.922.750.000 VND đã được góp đủ từ năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	18.000.000.000	18.000.000.000
Cổ đông khác	89.922.750.000	89.922.750.000
Cộng	107.922.750.000	107.922.750.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.792.275	10.792.275
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.792.275	10.792.275
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.792.275</i>	<i>10.792.275</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.792.275	10.792.275
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.792.275</i>	<i>10.792.275</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 4 năm 2016 như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Chia cổ tức năm các cổ đông	14.697.954.417	16.427.570.138
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm nước	4.311.399.963	2.968.837.977
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	587.918.177	395.845.064
Cộng	<u>19.597.272.557</u>	<u>19.792.253.179</u>

Trong đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích bổ sung từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 với số tiền 587.918.177 VND và chưa tạm trích lập cho năm 2016.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
a) Doanh thu		
Doanh thu khai thác cầu cảng	24.620.000.000	22.996.791.610
Doanh thu cho thuê bãi	11.782.297.880	11.097.203.860
Cộng	<u>36.402.297.880</u>	<u>34.093.995.470</u>
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	24.620.000.000	22.996.791.610
Cộng	<u>24.620.000.000</u>	<u>22.996.791.610</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Chiết khấu thương mại	-	(7.725.847.089)
Cộng	-	(7.725.847.089)

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê cầu cảng	4.771.555.358	4.642.255.107
Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê kho bãi	1.108.383.044	1.088.479.536
Cộng	5.879.938.402	5.730.734.643

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi không kỳ hạn	13.009.423	15.838.377
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	725.846.945	701.187.554
Cộng	738.856.368	717.025.931

5. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay	5.198.477.437	6.114.543.594
Cộng	5.198.477.437	6.114.543.594

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	1.559.455.960	1.535.900.638
Chi phí nguyên vật liệu	9.379.726	35.815.987
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.469.841	-
Thuế, phí và lệ phí	192.697.500	158.465.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	170.859.732	153.274.874
Chi phí bằng tiền khác	437.929.882	440.773.447
Cộng	2.379.792.641	2.324.229.946

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận trước thuế	23.682.945.768	20.641.513.218
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	258.830.000	243.300.000
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>258.830.000</i>	<i>243.300.000</i>
Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển	-	-
Thu nhập chịu thuế	23.941.775.768	20.884.813.218
Thuế suất áp dụng	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.394.177.577	2.088.481.322

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm 2016	Năm 2015
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	1.197.088.788	1.044.240.661
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.197.088.789	1.044.240.661

Công ty được hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% áp dụng trong thời gian là 15 năm (Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Công ty được miễn 4 năm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (Điểm a, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp)

Năm 2016 là năm thứ 7 doanh nghiệp được hưởng mức thuế suất là 10% và là năm thứ 3 được ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

8. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.485.856.979	19.597.272.557
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(674.575.709)	(587.918.177)
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.811.281.270	19.009.354.380
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.792.275	10.792.275
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.021	1.761

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 tạm trích 3% từ lợi nhuận sau thuế để xác định chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (tỷ lệ tạm trích như năm 2015).

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.811.281.270	19.009.354.380
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	21.811.281.270	19.009.354.380

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm 2016	Năm 2015
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.792.275	10.792.275
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	10.792.275	10.792.275
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.021	1.761

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu	136.170.935	149.318.403
Chi phí nhân công	1.559.455.960	1.535.900.638
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.144.350.011	5.138.880.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	981.824.255	328.811.016
Chi phí khác bằng tiền	437.929.882	901.984.508
Cộng	8.259.731.043	8.054.964.589

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	97.978.611	210.467.222

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm nay	210.467.222	280.668.926

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	494.600.720	494.600.720
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.978.402.880	1.978.402.880
Sau 5 năm	18.788.008.430	19.282.609.150
Cộng	21.261.012.030	21.755.612.750

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 121.560 m² đất bao gồm 12.761,5 m² đất chuyên dùng, 108.798,5 m² đất mặt nước theo Hợp đồng thuê đất số 112/HĐ-TĐ ngày 5 tháng 11 năm 2009 và 1.038,5 m² đất văn phòng theo Hợp đồng thuê đất số 19/HĐ-TĐ ngày 19 tháng 02 năm 2011 thuộc phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn. Cả hai hợp đồng đều có thời hạn 50 năm, đơn giá thuê đối với đất chuyên dùng là 27.000 VND/m²/năm, đất mặt nước là 520 VND/m²/năm và đất văn phòng là 90.000 VND/m²/năm (chưa bao gồm thuế GTGT).

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	11.648.281.920	11.648.281.920
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	36.490.060.860	42.263.241.900
Sau 5 năm	7.833.467.840	13.708.568.720
Cộng	55.971.810.620	67.620.092.540

Các khoản thu tiền thuê hoạt động thể hiện:

Khoản phải thu cho thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền cho Công ty TNHH Hào Hưng Long An thuê 22.366 m² đất theo Hợp đồng kinh tế số 2503/2013/HĐKT ngày 25 tháng 3 năm 2013 để đầu tư xây dựng bãi chứa dầm gỗ rời và lắp đặt hệ thống băng tải để chuyên dầm xuống tàu và Công ty TNHH Sản xuất Dầm gỗ Bình Định thuê 19.980 m² đất theo Hợp đồng thuê một phần diện tích mặt bằng bãi cảng để đầu tư xây dựng bãi chứa dầm gỗ rời ngày 01 tháng 4 năm 2010. Cả hai hợp đồng đều có thời hạn là 10 năm, với đơn giá thuê lần lượt là 21.890 VND/m²/tháng và 24.079 VND/m²/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT).

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Cổ đông (chiếm 16,68% vốn điều lệ)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Phải trả tiền cổ tức	2.451.600.000	2.739.600.000
Doanh thu thuần khai thác cầu cảng	24.620.000.000	22.996.791.610
Tiền thuê nhà và tiền điện phải trả	184.845.882	193.930.263

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền cho khai thác cầu cảng	2.772.000.000	-
Phải trả tiền thuê nhà, tiền điện	47.211.386	-
Phải trả tiền nhận trước phí khai thác cầu cảng	-	220.686.728

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Tiền lương	576.482.500	528.773.000
Các khoản khác	183.698.000	173.209.000
Cộng	<u>760.180.500</u>	<u>701.982.000</u>

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay	44.790.462.397	55.190.462.397
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(12.307.567.930)	(9.130.344.161)
Nợ thuần	32.482.894.467	46.060.118.236
Vốn chủ sở hữu	140.099.460.555	132.899.476.169
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>23%</u>	<u>35%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị, cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền	207.567.930	207.567.930	430.344.161	430.344.161
Các khoản tương đương tiền	12.100.000.000	12.100.000.000	8.700.000.000	8.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.000.000.000	7.000.000.000	10.900.000.000	10.900.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.866.681.852	3.866.681.852	1.081.533.632	1.081.533.632
Phải thu ngắn hạn khác	97.978.611	97.978.611	210.467.222	210.467.222
Cộng	<u>23.272.228.393</u>	<u>23.272.228.393</u>	<u>21.322.345.015</u>	<u>21.322.345.015</u>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn	80.257.999	80.257.999	128.067.257	128.067.257

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
hạn				
Chi phí phải trả ngắn hạn	93.600.000	93.600.000	82.800.000	82.800.000
Phải trả ngắn hạn khác	99.116.832	99.116.832	138.131.859	138.131.859
Phải trả dài hạn khác	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.600.000.000	11.600.000.000	10.400.000.000	10.400.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	33.190.462.397	33.190.462.397	44.790.462.397	44.790.462.397
Cộng	45.363.437.228	45.363.437.228	55.839.461.513	55.839.461.513

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.2
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung ở bộ phận cho thuê, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng, cụ thể ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày Báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn liên quan đến nhóm khách hàng thuê bãi và cầu cảng khai thác, rủi ro tín dụng đã được Giám đốc Công ty đánh giá một cách cẩn trọng như trình bày tại Thuyết minh số V.3.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền	207.567.930	-	-	207.567.930
Các khoản tương đương tiền	12.100.000.000	-	-	12.100.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
Phải thu của khách hàng	3.866.681.852	-	-	3.866.681.852
Phải thu khác	97.978.611	-	-	97.978.611
Cộng	23.272.228.393	-	-	23.272.228.393
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	80.257.999	-	-	80.257.999
Chi phí phải trả	93.600.000	-	-	93.600.000
Phải trả khác	99.116.832	300.000.000	-	399.116.832
Các khoản vay	11.600.000.000	33.190.462.397	-	44.790.462.397
Cộng	11.872.974.831	33.490.462.397	-	45.363.437.228

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Chênh lệch thanh khoản thuần	11.399.253.562	(33.490.462.397)		- (22.091.208.835)
31/12/2015				
Tài sản tài chính				
Tiền	430.344.161	-	-	430.344.161
Các khoản tương đương tiền	8.700.000.000	-	-	8.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.900.000.000	-	-	10.900.000.000
Phải thu của khách hàng	1.081.533.632	-	-	1.081.533.632
Phải thu khác	210.467.222	-	-	210.467.222
Cộng	21.322.345.015	-	-	21.322.345.015
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	128.067.257	-	-	128.067.257
Chi phí phải trả	82.800.000	-	-	82.800.000
Phải trả khác	138.131.859	300.000.000	-	438.131.859
Các khoản vay	10.400.000.000	44.790.462.397	-	55.190.462.397
Cộng	10.748.999.116	45.090.462.397	-	55.839.461.513
Chênh lệch thanh khoản thuần	10.573.345.899	(45.090.462.397)		- (34.517.116.498)

Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Số liệu so sánh

Trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 do chưa thông qua Đại hội đồng cổ đông. Trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015”. Công ty đã điều chỉnh chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015” trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh trên đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm 2015 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2015 (Được trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.816	(55)	1.761
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.761	-	1.761

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Bình Định, ngày 14 tháng 2 năm 2017



Phạm Văn Thành
Giám đốc

Mai Quang Cường
Kế toán trưởng

Mai Quang Cường
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính